

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 02-12-2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh N- Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Thành S, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh N - Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Chị và anh S chung sống với nhau năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng ngày 05-6-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại nhà của anh S ở ấp H, xã G, huyện T, tỉnh N. Vợ chồng sống với nhau đến năm 2010 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S thường xuyên uống rượu về nhà kiểng chuyện gây gổ với chị và đập phá tài sản trong nhà, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã

nhau gây mất hạnh phúc gia đình. Chị đã khuyên can anh S nhiều lần nhưng không được. Kéo dài đến tháng 07-2019 thì vợ chồng chính thức ly thân đến nay. Sau khi ly thân, vợ chồng không có nói chuyện hòa giải hàn gắn hạnh phúc lần nào. Cha mẹ chồng đã chết, cha mẹ chị có khuyên can anh S nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Quốc B, sinh ngày 12-01-2009, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Anh Trương Thành S đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh S.
- Về con chung: Giao cháu Trương Quốc B, sinh ngày 12-01-2009 cho chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh S chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng ngày 05-6-2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu

thuần do chị P cho rằng anh S thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện với chị và đập phá tài sản trong nhà. Dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ anh S để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Từ đó cho thấy anh S đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí được đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh S, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Trương Quốc B, sinh ngày 12-01-2009, hiện nay đang sống với chị P. Xét hiện cháu B đã trên 07 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và chị P cũng có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc P đối với anh Trương Thành S. Chị Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với anh Trương Thành S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Quốc B, sinh ngày 12-01-2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0017511 ngày 21-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.(Chị P đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Bình;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy